

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh**

Báo cáo tài chính riêng
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 2 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Huỳnh Ước My
Ông Lê Văn Dĩnh
Ông Võ Tòng Xuân
Ông Phạm Hồng Dương
Ông Thái Văn Chuyện
Ông Nguyễn Bá Chủ

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Chủ
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Bà Trương Thị Hồng
Ông Nguyễn Văn Đệ
Ông Đinh Văn Hiệp
Bà Dương Thị Tô Châu
Ông Nguyễn Thành Khiêm

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Thương mại
Giám đốc Nhà máy

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Vân
Ông Phạm Trung Kiên

Ông Lê Nho Đình

Ông Lê Văn Hòa

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2014)
Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2014)
Thành viên

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Đặng Huỳnh Ước My
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 60.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-323



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.001.285.227.715	1.796.911.455.438
Tiền	110	5	258.582.561.758	277.785.657.209
Tiền	111		258.582.561.758	277.785.657.209
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	70.413.530.864	118.541.861.042
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		122.188.965.070	171.464.251.319
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(51.775.434.206)	(52.922.390.277)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	1.022.253.075.770	1.116.751.309.834
Phải thu khách hàng	131		283.177.884.083	189.041.854.158
Trả trước cho người bán	132		610.114.801.259	881.212.336.447
Các khoản phải thu khác	135		160.743.216.447	68.842.727.529
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(31.782.826.019)	(22.345.608.300)
Hàng tồn kho	140	8	617.736.004.027	230.951.775.462
Hàng tồn kho	141		617.978.560.914	231.194.332.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.300.055.296	52.880.851.891
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	28.955.488.757	51.687.227.891
Thuế và các khoản khác phải thu				-
Nhà nước	154		1.536.386.539	
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.808.180.000	1.193.624.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.439.386.185.067	1.453.139.061.487
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	34.788.048.229	58.670.084.709
Phải thu dài hạn khác	218		34.788.048.229	58.670.084.709
Tài sản cố định	220		600.304.488.586	638.265.082.511
Tài sản cố định hữu hình	221	10	515.883.717.417	537.483.957.859
Nguyên giá	222		1.703.505.216.002	1.686.163.287.464
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.187.621.498.585)	(1.148.679.329.605)
Tài sản cố định vô hình	227	11	40.836.847.665	41.461.660.259
Nguyên giá	228		51.108.741.971	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.271.894.306)	(9.647.081.712)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	43.583.923.504	59.319.464.393

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	777.880.333.939	748.565.574.194
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		721.212.839.523	696.012.839.523
Đầu tư dài hạn khác	258		75.685.862.384	75.762.012.204
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.018.367.968)	(23.209.277.533)
Tài sản dài hạn khác	260		26.413.314.313	7.638.320.073
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25.398.671.617	1.553.111.727
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.014.642.696	6.085.208.346
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.440.671.412.782	3.250.050.516.925
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.644.050.764.039	1.409.325.905.709
Nợ ngắn hạn	310		1.564.580.556.039	1.331.029.026.709
Vay ngắn hạn	311	16	1.403.047.758.331	1.001.678.320.139
Phải trả người bán	312	17	70.009.425.207	178.847.802.816
Người mua trả tiền trước	313	18	48.363.947.151	61.691.947.079
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	4.388.001.365	7.874.801.394
Phải trả người lao động	315		2.205.023.120	4.822.806.760
Chi phí phải trả	316	20	10.146.426.957	51.936.591.686
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	4.069.856.415	7.729.536.130
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	22.350.117.493	16.447.220.705
Vay dài hạn	330		79.470.208.000	78.296.879.000
Vay dài hạn	334	23	79.470.208.000	78.296.879.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.796.620.648.743	1.840.724.611.216
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.796.620.648.743	1.840.724.611.216
Vốn cổ phần	411	25	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	25	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417		120.999.110.932	97.098.444.233
Quỹ dự phòng tài chính	418		99.511.076.572	87.560.743.223
Lợi nhuận chưa phân phối	420		137.955.660.272	217.910.622.793
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.440.671.412.782	3.250.050.516.925

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công (KG)		1.617.365	2.333.364
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		9.155.696.273	8.224.714.261
Ngoại tệ Đô la Mỹ (USD)		2.785	11.798
Ngoại tệ Riel (KHR)		-	47.000

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	28	1.005.042.904.664	2.222.417.882.389
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	1.386.144.246	2.377.648.307
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	1.003.656.760.418	2.220.040.234.082
Giá vốn hàng bán	11	29	898.537.013.981	1.939.058.966.926
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		105.119.746.437	280.981.267.156
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	70.892.265.552	154.653.120.260
Chi phí tài chính	22	31	53.752.536.522	52.114.578.115
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.857.981.696	95.727.748.245
Chi phí bán hàng	24		27.206.160.888	48.587.602.597
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.746.459.695	64.476.689.490
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		66.306.854.884	270.455.517.214
Thu nhập khác	31		5.268.322.004	9.036.711.042
Chi phí khác	32		4.524.038.527	3.999.425.291
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		744.283.477	5.037.285.751
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.051.138.361	275.492.802.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	15.877.464.175	37.297.591.303
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	5.070.565.650	(811.455.324)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.103.108.536	239.006.666.986
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33		321 1.744

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.051.138.361	275.492.802.965
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		42.430.274.595	84.425.873.301
Các khoản dự phòng	03		5.034.047.688	(53.436.260.894)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		812.137.653	1.120.024.605
Lỗi/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		1.126.935.085	(2.165.879.938)
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho các bên liên quan	05		(43.169.719.418)	(58.625.141.316)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05		(26.114.113.012)	(64.810.450.331)
Thu nhập cổ tức	05		(1.389.302.000)	(30.853.567.400)
Chi phí lãi vay	06		47.857.981.696	95.727.748.245
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		93.639.380.648	246.875.149.237
Biến động các khoản phải thu	09		132.604.068.069	(342.439.075.030)
Biến động hàng tồn kho	10		(386.784.228.565)	108.436.512.557
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(165.823.875.475)	139.719.650.565
Biến động chi phí trả trước	12		9.538.787.396	(10.307.550.439)
			(316.825.867.927)	142.284.686.890
Tiền lãi vay đã trả	13		(47.773.478.358)	(95.544.143.103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.724.716.513)	(29.795.877.960)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(13.217.636.571)	(23.603.309.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(400.541.699.369)	(6.658.643.542)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(19.688.634.287)	(79.836.990.290)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.627.272.727	3.015.896.814
Tiền chi cho các bên liên quan vay	23		(250.000.000.000)	(160.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản cho các bên liên quan vay	24		310.000.000.000	325.652.791.317
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24		76.149.820	268.816.700
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(25.200.000.000)	(241.400.937.400)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		33.201.767.291	52.788.213.626
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		51.016.555.551	(99.512.209.233)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31		-	65.742.000.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31		-	95.331.854.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.782.645.221.547	3.111.971.563.281
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.380.102.454.355)	(2.795.340.616.588)
Tiền chi trả cổ tức	36		(72.220.718.825)	(204.418.188.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		330.322.048.367	273.286.612.693

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(19.203.095.451)	167.115.759.918
Tiền đầu kỳ	60		277.785.657.209	110.669.897.291
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	258.582.561.758	277.785.657.209

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên (31/12/2013: 784 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 266 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau ngày thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Do đó, số liệu so sánh trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng mà phản ánh kết quả hoạt động và dòng tiền từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (kỳ 12 tháng) là không thể so sánh được với những số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính riêng này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chỉ phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 10 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bằng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu tiền lãi

Doanh thu tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.630.674.379	762.717.591
Tiền gửi ngân hàng	256.951.887.379	277.022.939.618
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	258.582.561.758	277.785.657.209

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công, một công ty liên kết	122.188.965.070	171.464.251.319
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(51.775.434.206)	(52.922.390.277)
	70.413.530.864	118.541.861.042

Các khoản vay này không được bảo đảm và có lãi suất năm là 12% trong kỳ (2013: 12%). Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 10.724.713.751 VND (2013: 39.133.494.793 VND) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay.

Biến động đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	171.464.251.319	297.983.547.843
Tăng đầu tư trong kỳ	260.724.713.751	39.133.494.793
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(310.000.000.000)	(165.652.791.317)
Số dư cuối kỳ	122.188.965.070	171.464.251.319

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	52.922.390.277	95.524.943.609
Hoàn nhập	(1.146.956.071)	(42.602.553.332)
Số dư cuối kỳ	51.775.434.206	52.922.390.277

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	61.881.972.000	17.549.324.747
Phi thương mại	102.988.056.975	114.679.167
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	291.664.130	5.006.120.324
Phi thương mại	6.787.840.584	1.825.163.039

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu, ngoại trừ khoản 102.583 triệu VND phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công (“TTC”). Khoản phải thu phi thương mại từ TTC không được bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 8,2% đến 9% bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 197.500 triệu VND và VND tương đương 25,25 triệu USD (31/12/2013: 82.700 triệu VND và VND tương đương 32,5 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Bao gồm trong trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	-	78.349.000.000
Trả trước cho các bên liên quan khác		
Thương mại	165.580.800.000	249.653.895.750

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Khoản trả trước cho các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 8,2% đến 12% trong kỳ (2013: 11,5%).

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	397.124.797.402	445.869.183.856
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	21.363.986.000	45.248.588.480
	418.488.783.402	491.117.772.336

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 89.449.605.900 VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (2013: 122.114.973.700 VND) và đã cần trừ khoản 241.035.829.594 VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2013: 279.058.113.666 VND).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ (2013: 8,4% đến 16,5%). Các khoản trả trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ TTC	102.583.598.641	-
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	48.850.972.567	65.118.841.717
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công ("TTCIZ"), một công ty liên kết	6.787.840.584	1.825.163.039
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên, một cổ đông	404.458.334	-
Lãi phải thu từ TTC	-	114.679.167
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Bao bì Thành Thành Công	475.001.368	253.591.656
Phải thu khác	1.641.344.953	1.530.451.950
	160.743.216.447	68.842.727.529

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	21.363.986.000	45.248.588.480
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Cam Pu Chia	13.424.062.229	13.421.496.229
	34.788.048.229	58.670.084.709

Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 13.424.062.229 VND (31/12/2013: 13.421.496.229 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	96.273.123.996	38.893.215.873
Công cụ và dụng cụ	160.652.368	148.558.835
Sản xuất kinh doanh dở dang	13.829.296.766	32.561.949.710
Thành phẩm	492.251.092.712	148.754.394.232
Hàng hóa	12.485.237	8.903.325
Hàng gửi đi bán	15.451.909.835	10.827.310.374
	617.978.560.914	231.194.332.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	617.736.004.027	230.951.775.462

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 380 triệu VND và VND tương đương 17,85 triệu USD (31/12/2013: 361.4 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. Theo các hợp đồng vay, khoản thế chấp hàng tồn kho VND tương đương 17,85 triệu USD có thể được thay thế bằng các khoản phải thu tương ứng.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Bao gồm trong chi phí trả trước ngắn hạn là khoản 26.970.131.669 VND chi phí phát sinh cho nông dân trồng mía cho vụ mùa tiếp theo (31/12/2013: 51.637.527.893 VND). Chi phí này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất cho vụ mùa tiếp theo.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	278.913.870.254	1.318.975.793.395	24.897.037.661	4.971.255.624	58.405.330.530	1.686.163.287.464
Tăng trong kỳ	58.870.602	574.636.900	2.864.589.623	-	-	3.498.097.125
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.091.652.910	17.676.780.906	-	54.055.048	-	20.822.488.864
Thanh lý	-	(550.007.451)	(6.428.650.000)	-	-	(6.978.657.451)
Số dư cuối kỳ	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.332.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	146.075.321.737	927.782.233.824	12.447.290.081	4.038.195.985	58.336.287.978	1.148.679.329.605
Khấu hao trong kỳ	4.810.820.302	35.617.386.457	1.518.800.429	205.155.644	14.455.787	42.166.618.619
Thanh lý	-	(550.007.451)	(2.674.442.188)	-	-	(3.224.449.639)
Số dư cuối kỳ	150.886.142.039	962.849.612.830	11.291.648.322	4.243.351.629	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	132.838.548.517	391.193.559.571	12.449.747.580	933.059.639	69.042.552	537.483.957.859
Số dư cuối kỳ	131.178.251.727	373.827.590.920	10.041.328.962	781.959.043	54.586.765	515.883.717.417

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 227.518 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 226.436 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 197.392 triệu VND (31/12/2013: 216.196 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.650.764.703	2.996.317.009	9.647.081.712
Khấu hao trong kỳ	519.585.184	105.227.410	624.812.594
Số dư cuối kỳ	7.170.349.887	3.101.544.419	10.271.894.306
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	40.832.990.116	628.670.143	41.461.660.259
Số dư cuối kỳ	40.313.404.932	523.442.733	40.836.847.665

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 4.360 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 4.008 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 40.313 triệu VND (31/12/2013: 40.832 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	59.319.464.393	62.870.988.100
Tăng trong kỳ	16.551.693.780	62.613.532.430
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.822.488.864)	(65.045.031.532)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(602.442.524)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(10.050.165.628)	-
Xóa sổ	(812.137.653)	(1.120.024.605)
Số dư cuối năm	43.583.923.504	59.319.464.393

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thay thế thiết bị sản xuất cũ	580.319.524	18.165.129.872
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	30.756.242.003	20.319.586.111
Khác	12.247.361.977	20.834.748.410
	43.583.923.504	59.319.464.393

Trong kỳ, chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 361.156.618 VND (2013: 728.130.255 VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con:

- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công (i)

30/6/2014			31/12/2013		
Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
189.000.000	90,00%	90,00%	-	-	-
					VND

Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Công (ii)
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (iii)
- Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iv)
- Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (v)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vi)
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Công (vii)
- Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (viii)

30/6/2014			31/12/2013		
Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
24.500.000	49,45%	49,45%	24.500.000	49,45%	49,45%
13.630.296	21,64%	21,64%	13.630.296	21,64%	21,64%
2.040.802	24,89%	24,89%	2.040.802	24,89%	24,89%
1.389.302	23,95%	23,95%	1.389.302	23,95%	23,95%
3.157.920	26,32%	26,32%	3.157.920	26,32%	26,32%
720.000	24,00%	24,00%	720.000	24,00%	24,00%
9.240.000	23,69%	23,69%	6.720.000	24,13%	24,13%
					VND
					696.012.839.523

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	30/6/2014			31/12/2013		
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
			VND			VND
Đầu tư dài hạn khác						
▪ Đầu tư cổ phiếu (ix)			74.915.050.000			74.915.050.000
▪ Đầu tư dài hạn khác			770.812.384			846.962.204
			<u>75.685.862.384</u>			<u>75.762.012.204</u>
			(19.018.367.968)			(23.209.277.533)
			<u>777.880.333.939</u>			<u>748.565.574.194</u>

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (“TTCE”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty vẫn chưa góp vốn cổ phần vào TTCE.

- (ii) Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) (“TTCIZ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần của TTCIZ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho TTCIZ.

- (iii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 10.135.148 cổ phiếu (31/12/2013: 6.815.148 cổ phiếu) của Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 146.992 triệu VND (31/12/2013: 98.842 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

- (iv) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (v) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vi) Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (“Hóa chất Tây Ninh”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 1 năm 2013. Trụ sở chính của Hóa chất Tây Ninh đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nito; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- (vii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (viii) Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Mía đường Gia Lai”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009. Trụ sở chính của Mía đường Gia Lai đặt tại Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường và các phụ phẩm từ mía đường để bán; trồng mía; sản xuất điện để bán; thiết kế công trình dân dụng; chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư vào thị trường tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 4.200.000 cổ phiếu (31/12/2013: 4.200.000 cổ phiếu) của Mía đường Gia Lai với giá trị ghi sổ là 56.710 triệu VND (31/12/2013: 62.225 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

- (ix) Đầu tư cổ phiếu bao gồm:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, 2.996.602 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 37.457 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	771.774.851.727	530.642.731.027
Tăng đầu tư trong kỳ	25.200.000.000	241.400.937.400
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(76.149.820)	(268.816.700)
Số dư cuối kỳ	796.898.701.907	771.774.851.727

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	23.209.277.533	31.060.596.643
Hoàn nhập	(4.190.909.565)	(7.851.319.110)
Số dư cuối kỳ	19.018.367.968	23.209.277.533

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	1.553.111.727	7.843.741.131
Tăng trong kỳ	26.724.626.440	3.346.334.266
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình – giá trị thuần	-	756.379.101
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	602.442.524	-
Phân bổ trong kỳ	(3.481.509.074)	(10.393.342.771)
Số dư cuối kỳ	25.398.671.617	1.553.111.727

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	1.355.634.416.331	966.704.978.139
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	47.413.342.000	34.973.342.000
	<u>1.403.047.758.331</u>	<u>1.001.678.320.139</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	4,25% - 7,87%	115.700.000.000	315.500.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	6,5% - 7,5%	241.900.000.000	157.805.501.232
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	3,15% - 6,50%	210.261.706.000	39.723.329.710
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iv)	VND	6,5% - 7,0%	118.187.023.200	117.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	VND	4,5% - 7,0%	227.823.633.121	170.739.147.197
• Ngân hàng TNHH Thương mại Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	6,55% - 7,00%	60.000.000.000	63.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	6,1% - 6,5%	59.599.731.492	16.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Quân đội (viii)	VND	6,5% - 6,9%	94.200.000.000	64.367.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ix)	VND	4,0% - 4,5%	89.432.352.000	-
• Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (x)	VND	6,2% - 6,5%	62.976.000.000	-
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xi)	VND	6,49% - 6,61%	57.533.970.518	-
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	12%	18.020.000.000	19.170.000.000
• Khoản vay không đảm bảo từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh	VND	0%	-	3.400.000.000
			<u>1.355.634.416.331</u>	<u>966.704.978.139</u>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (31/12/2013: 14 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 32.652 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 97.500 triệu VND và 14 triệu USD (31/12/2013: lần lượt là 33.012 triệu VND, 82.700 triệu VND và 10 triệu USD).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (31/12/2013: 250.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 125.001 triệu VND và 7.661 triệu VND (31/12/2013: lần lượt là 132.838 triệu VND và 7.820 triệu VND). Khoản vay này còn được đảm bảo bằng 1.000.000 cổ phiếu (31/12/2013: 1.000.000 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 2.996.602 cổ phiếu (31/12/2013: 2.996.602 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 51.961 triệu VND (31/12/2013: 51.961 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (31/12/2013: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ lần lượt là 11,25 triệu USD và 11,25 triệu USD (31/12/2013: 22,5 triệu USD và không).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2013: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ lần lượt là 150.000 triệu VND và 100.000 triệu VND (31/12/2013: 155.000 triệu VND và không).
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2013: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 72.391 triệu VND (31/12/2013: 83.358 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (31/12/2013: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 3,6 triệu USD (31/12/2013: 62.400 triệu VND).
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2013: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (31/12/2013: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 144.000 triệu VND (31/12/2013: 144.000 triệu VND).
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 3 triệu USD.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 với giá trị ghi sổ là 86.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Các khoản phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các cổ đông	17.929.137.249	4.605.821.000

Khoản phải trả thương mại cho các cổ đông không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

18. Người mua trả tiền trước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	45.695.210.000	35.743.710.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, một bên liên quan để mua đường	-	23.529.261.301
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công, một bên liên quan để mua mật đường	120.400.000	4.059.200
Các khách hàng khác	2.548.337.151	2.414.916.578
	48.363.947.151	61.691.947.079

Khoản tạm ứng từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Số dư phản ánh khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Giao dịch được dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2014.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.433.329.945	2.292.429.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.310.865.799
Thuế thu nhập cá nhân	954.671.420	271.506.064
	4.388.001.365	7.874.801.394

20. Chi phí phải trả

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí mua mía từ nông dân	-	45.656.504.002
Phí vận chuyển và bốc dỡ	5.055.191.305	1.748.569.468
Chi phí lãi vay	2.699.097.912	2.614.594.574
Phép năm không sử dụng	574.018.820	410.338.120
Chi phí khác	1.818.118.920	1.506.585.522
	10.146.426.957	51.936.591.686

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	1.576.076.357	4.167.709.757
Phải trả cho Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	408.948.935	1.543.130.110
Phải trả khác	884.831.123	818.696.263
	4.069.856.415	7.729.536.130

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bao gồm trong khoản phải trả khác có khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan	408.948.935	1.543.130.110

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	16.447.220.705	10.439.854.010
Tăng trong kỳ	19.120.533.359	29.610.676.064
Sử dụng trong kỳ	(13.217.636.571)	(23.603.309.369)
Số dư cuối kỳ	22.350.117.493	16.447.220.705

23. Vay dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	126.883.550.000	113.270.221.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(47.413.342.000)	(34.973.342.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	79.470.208.000	78.296.879.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	14.318.050.000	15.511.221.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	2.633.000.000	3.159.000.000
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	4.750.000.000	5.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	VND	10,5% - 11,5%	2016	52.328.500.000	25.475.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	VND	10,50%	2016	52.854.000.000	63.425.000.000
				126.883.550.000	113.270.221.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2013: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 12 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (31/12/2013: 10.700 triệu VND). Số dư 2.633.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số dư 4.750.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 10 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (31/12/2013: 2.500 triệu VND) và Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị là 2.850 triệu VND (31/12/2013: 2.850 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (31/12/2013: 120.000 triệu VND). Số dư 52.328.500.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.466 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.462 triệu VND vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Số dư 52.854.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VND vào ngày 25 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.200.000 cổ phiếu (31/12/2013: 4.200.000 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và 9.135.148 cổ phiếu (31/12/2013: 5.815.148 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 189.198 triệu VND (31/12/2013: 146.563 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Phát hành vốn cổ phần	65.742.000.000	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.137.705.313	67.894.148.687	-	-	-	75.031.854.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	239.006.666.986	239.006.666.986
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(205.203.490.000)	(205.203.490.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	217.910.622.793	1.840.724.611.216
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	46.103.108.536	46.103.108.536
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	137.955.660.272	1.796.620.648.743

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	6.574.200	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	5.506.160	55.061.600.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	61.577.199.043	129.471.347.730
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(67.894.148.687)
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	61.577.199.043

26. Cổ tức

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu (2013: cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012 và 1.000 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2013).

27. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	832.043.415.624	1.982.660.499.695
▪ Bán mật đường	57.596.491.995	78.762.269.901
▪ Bán điện	26.875.760.400	38.959.477.600
▪ Bán phân bón	78.320.691.875	101.714.695.273
▪ Khác	10.206.544.770	20.320.939.920
	1.005.042.904.664	2.222.417.882.389
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.386.144.246)	(2.377.648.307)
Doanh thu thuần	1.003.656.760.418	2.220.040.234.082

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá vốn đường	730.820.421.085	1.716.693.876.122
Giá vốn mật đường	56.849.034.771	77.775.025.533
Giá vốn điện	26.242.526.809	36.286.311.266
Giá vốn phân bón	82.584.580.511	96.787.488.627
Khác	2.040.450.805	11.516.265.378
	898.537.013.981	1.939.058.966.926

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	26.114.113.012	64.810.450.331
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	160.371.896	585.214.064
Lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	43.009.347.522	58.039.927.252
Thu nhập cổ tức	1.389.302.000	30.853.567.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	219.131.122	363.961.213
	70.892.265.552	154.653.120.260

31. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	47.857.981.696	95.727.748.245
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(5.337.865.636)	(50.453.872.442)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	10.371.913.324	2.982.388.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	860.507.138	1.482.682.542
Chi phí khác	-	2.375.631.318
	53.752.536.522	52.114.578.115

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	4.844.277.890	37.054.065.134
Dự phòng thiếu trong các năm trước	11.033.186.285	243.526.169
	15.877.464.175	37.297.591.303
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.003.890.358	(811.455.324)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.066.675.292	-
	5.070.565.650	(811.455.324)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.948.029.825	36.486.135.979

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	67.051.138.361	275.492.802.965
Thuế tính theo thuế suất áp dụng của Công ty	6.705.113.836	27.549.280.297
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	2.421.852.374	16.040.910.189
Chi phí không được khấu trừ thuế	26.848.478	365.811.174
Thu nhập không chịu thuế	(305.646.440)	(7.713.391.850)
Dự phòng thiếu trong các năm trước	11.033.186.285	243.526.169
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.066.675.292	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.948.029.825	36.486.135.979

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 46.103 triệu VND (2013: 239.006 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (2013: 137.040.862), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	46.103.108.536	239.006.666.986

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	143.506.160	131.425.800
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	3.091.637
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	-	2.523.425
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	143.506.160	137.040.862

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(*)	256.951.887.379	277.022.939.618
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	70.413.530.864	118.541.861.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	443.257.204.000	271.306.077.916
Trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	400.793.916.142	468.772.164.036
		1.171.416.538.385	1.135.643.042.612

(*) *Tiền gửi ngân hàng*

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

() *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản vay cấp cho một công ty liên kết. Công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu công ty liên kết không có khả năng trả nợ. Ban Giám đốc đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục giám sát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào khác cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 180 ngày	8.899.550.712	16.610.121.414
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	15.673.583.126	83.072.093.453
Quá hạn trên 365	45.840.397.026	18.859.646.175
	70.413.530.864	118.541.861.042

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu tài sản đảm bảo cho mỗi đơn đặt hàng đối với một số khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	25.238.516.053	26.223.666.499
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	50.001.046.737	18.225.892.510
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	10.926.711.926	16.336.146.191
Quá hạn trên 365 ngày	549.742.421	73.394.510
	86.716.017.137	60.859.099.710

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(**) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản trả trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản trả trước mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	2.212.686.010	4.007.752.462
Quá hạn trên 365 ngày	754.835.157	-
	2.967.521.167	4.007.752.462

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	22.345.608.300	23.042.374.241
Tăng dự phòng trong kỳ	10.371.913.324	2.982.388.452
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(934.695.605)	(3.679.154.393)
	31.782.826.019	22.345.608.300

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.355.634.416.331	1.381.906.561.814	1.381.906.561.814	-	-	-
Phải trả người bán	70.009.425.207	70.009.425.207	70.009.425.207	-	-	-
Phải trả người lao động	2.205.023.120	2.205.023.120	2.205.023.120	-	-	-
Chi phí phải trả	10.146.426.957	10.146.426.957	10.146.426.957	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.069.856.415	4.069.856.415	4.069.856.415	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	126.883.550.000	146.753.552.479	58.103.400.428	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769
	1.568.948.698.030	1.615.090.845.992	1.526.440.693.941	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	966.704.978.139	990.259.141.088	990.259.141.088	-	-	-
Phải trả người bán	178.847.802.816	178.847.802.816	178.847.802.816	-	-	-
Phải trả người lao động	4.822.806.760	4.822.806.760	4.822.806.760	-	-	-
Chi phí phải trả	51.936.591.686	51.936.591.686	51.936.591.686	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.729.536.130	7.729.536.130	7.729.536.130	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	113.270.221.000	134.351.626.420	44.808.356.471	42.153.589.122	43.642.499.613	3.747.181.214
	1.323.311.936.531	1.367.947.504.900	1.278.404.234.951	42.153.589.122	43.642.499.613	3.747.181.214

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản tài sản/(nợ) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền	201	11.798
Phải thu khách hàng	276.705	-
Phải trả người bán	-	(6.841.972)
	276.906	(6.830.174)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.300	21.085

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày lập báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	54.127.670
31/12/2013	
USD (yếu đi 1%)	(1.681.261.333)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.413.530.864	118.541.861.042
Vay dài hạn	(21.701.050.000)	(24.370.221.000)
	48.712.480.864	94.171.640.042
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	256.951.887.379	277.022.939.618
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	379.429.930.142	423.523.575.556
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	21.363.986.000	45.248.588.480
Vay ngắn hạn	(1.355.634.416.331)	(966.704.978.139)
Vay dài hạn	(105.182.500.000)	(88.900.000.000)
	(803.071.112.810)	(309.809.874.485)

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm 7.227 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 2.788 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	256.951.887.379	277.022.939.618
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.413.530.864	118.541.861.042
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	443.257.204.000	271.306.077.916
- Trả trước cho người bán	400.793.916.142	468.772.164.036
- Đầu tư dài hạn khác	770.812.384	846.962.204
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư cổ phiếu	74.915.050.000	74.915.050.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	74.079.281.622	186.577.338.946
- Nợ ngắn hạn khác	12.351.450.077	56.759.398.446
- Vay	1.482.517.966.331	1.079.975.199.139

Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía và đầu tư dài hạn khác

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Đầu tư cổ phiếu

	30/6/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	74.915.050.000	73.716.409.200

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi phải thu chuyển đổi thành nợ gốc vay cho một bên liên quan	10.724.713.751	39.133.494.793
Lãi phải thu cần trừ với các khoản phải trả người bán	37.540.656.114	42.281.536.349

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	65.695.731.423	108.313.592.768
Mua đường thô	41.272.763.199	267.376.797.263
Cho vay	180.000.000.000	100.000.000.000
Trả trước mua đường và mật đường	102.583.598.641	67.200.000.000
Chi trả cổ tức	17.623.800.000	52.871.400.000
Thu nhập lãi vay	13.517.758.274	8.755.418.606
Chi phí lãi vay	-	1.062.639.417
Mua cổ phiếu của Đường Nước Trong	-	53.765.987.400
Chi phí quản lý	-	5.855.960.710
Thu nhập từ cho thuê xe	-	36.000.000
Mua dịch vụ	535.477.370	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên		
Mua hàng hóa	71.478.013.333	1.696.210.477
Cho vay	70.000.000.000	60.000.000.000
Thu nhập lãi vay	2.886.239.129	4.206.552.776
Chi trả cổ tức	17.527.835.000	52.583.505.000
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	1.356.319.046	3.138.579.924
Mua hàng hóa	210.951.314.963	641.464.046
Thu nhập lãi vay	1.183.739.577	6.332.666.665
Thu nhập từ cho thuê xe tải	130.909.092	229.090.911
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công		
Thu nhập lãi từ cho vay	10.664.773.696	37.109.703.671
Nợ vay gốc nhận được	60.000.000.000	165.652.791.317
Trả trước mua quyền sử dụng đất	-	165.580.800.000
Thu nhập lãi từ trả trước mua quyền sử dụng đất	11.772.322.666	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	22.777.015.714	6.505.781.144
Mua hàng hóa	11.400.000	34.223.736.928
Chi phí gia công	440.371.300	1.533.039.715
Chi phí bảo quản kho	408.490.386	64.611.107
Cổ tức nhận được	-	13.630.296.000
Góp vốn cổ phần	-	68.151.480.000
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	-	23.182.246.616
Cổ tức nhận được	-	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Mua mía nguyên liệu	1.006.534.000	129.931.000
Góp vốn cổ phần	266.995.596	7.200.000.000
Thu nhập từ cho thuê đất	240.000.000	240.000.000
Mua mía giống	43.515.000	3.861.000
Chi phí phân tích đất	-	69.615.000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Cổ tức nhận được	1.389.302.000	2.778.604.000
Bán mía giống	6.688.500	1.452.329.500
Mua đường thô	-	13.333.333.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		
Góp vốn cổ phần	-	31.579.200.000
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		
Góp vốn cổ phần	25.200.000.000	25.200.000.000
Mua đường thô	63.571.428.571	-
Cổ tức nhận được	-	5.460.000.000
Mua dịch vụ	92.934.551	-
Bán mía giống	15.032.000	-
Trả trước nhận được để bán tài sản cố định	100.000.000	-
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.204.594.444	4.933.922.508

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Cam kết

(b) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	401.868.516.000	429.920.937.965
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.750.800.000	5.110.000.000
	409.619.316.000	435.030.937.965

(*) Các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

	30/6/2014 VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (Dự án Ethanol)	189.000.000.000
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	193.315.000.000
Khác	19.553.516.000
	401.868.516.000

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	852.231.908	471.719.767
Từ hai đến năm năm	469.806.938	-
	1.322.038.846	471.719.767

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	817.948.974.087	1.763.116.960.096
Chi phí nhân công và nhân viên	47.052.907.628	90.334.346.843
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.430.274.595	84.425.873.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.953.567.797	74.771.085.695
Chi phí khác	14.103.910.457	39.474.993.078

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

